



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP BẮC NINH

Địa chỉ: Số 499, đường Hàn Thuyên, Thành phố Bắc Ninh

ĐT: 02223.821.230

Email: cdc.bci@gmail.com

Fax: 02223.855.477

Website: www.bci.edu.vn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP BẮC NINH
NĂM 2021

Bắc Ninh, tháng 10 năm 2021

MỤC LỤC

	Nội dung	Trang
	CÁC TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN I	GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG	4
1	Thông tin chung về Nhà trường	4
2	Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường	5
	2.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường	5
	2.2. Những thành tích đã đạt được	7
3	Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường	14
	3.1. Cơ cấu tổ chức	14
	3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường	16
	3.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường	17
4	Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường	17
5	Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	20
PHẦN II	KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	22
1	Đặt vấn đề	22
2	Tổng quan chung	23
	2.1. Căn cứ tự đánh giá	23
	2.2. Mục đích tự đánh giá	23
	2.3. Yêu cầu tự đánh giá	23
	2.4. Phương pháp tự đánh giá	24
	2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	24
3	Tự đánh giá	25
	3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	25
	3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	37
	3.2.1. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 1	37
	3.2.2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 2	54
	3.2.3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 3	67

	3.2.4. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 4	86
	3.2.5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 5	103
	3.2.6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 6	119
	3.2.7. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 7	123
	3.2.8. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 8	130
	3.2.9. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 9	143
PHẦN III	KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	154
	PHỤ LỤC	155

CÁC TỪ VIẾT TẮT

1.	BLĐTB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2.	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3.	CNKT	Công nhân kỹ thuật
4.	TC	Trung cấp
5.	CĐ	Cao đẳng
6.	BGH	Ban Giám hiệu
7.	BCH	Ban chấp hành
8.	P.TK	Phó Trưởng khoa
9.	P.TP	Phó Trưởng phòng
10.	CB	Cán bộ
11.	GV	Giáo viên
12.	CNV	Công nhân viên
13.	CNVC	Công nhân viên chức
14.	GVGDNN	Giáo viên Giáo dục nghề nghiệp
15.	TW	Trung ương
16.	CTĐT	Chương trình đào tạo
17.	CTK	Chương trình khung
18.	LLCT	Lý luận chính trị
19.	NĐ	Nghị định
20.	QĐ	Quyết định
21.	ĐH	Đại học

22.	HSSV	Học sinh, sinh viên
23.	TCHC	Tổ chức - Hành chính
24.	Phòng PR	Phòng quan hệ công chúng
25.	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
26.	KTX	Ký túc xá
27.	CTĐT	Công trình đô thị
28.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
29.	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
30.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
31.	CNTT	Công nghệ thông tin
32.	SPGDNN	Sư phạm giáo dục nghề nghiệp
33.	TDTT	Thể dục thể thao
34.	Th.S	Thạc sỹ
35.	UBHC	Ủy ban hành chính
36.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp

PHẦN I. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG

1. Thông tin chung về Nhà trường

- 1.1. Tên trường: Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.
- 1.2. Tên Tiếng Anh: Bac ninh College of Industry
- 1.3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh
- 1.4. Địa chỉ trường: Số 499, đường Hàn Thuyên, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.
- 1.5. Số điện thoại: 0222 3 821 230
- 1.6. Email: ccdn.bci@gmail.com
- 1.7. Website: www.bci.edu.vn
- 1.8. Năm thành lập trường:
 - Năm 1970 (năm thành lập) - Trường công nghiệp Hà Bắc.
 - Năm 2007 thành lập trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.
 - Năm 2010 thành lập trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh.
 - Năm 2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.
- 1.9. Loại hình trường: Công lập

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Nhà trường

2.1. Khái quát về lịch sử phát triển của Nhà trường

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh có bề dày trên 50 năm xây dựng và phát triển. Nhà trường đã trải qua nhiều thời kỳ xây dựng và phát triển với nhiều tên gọi khác nhau: Trường Công nghiệp Hà Bắc, trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh, trường Trung cấp nghề Bắc Ninh, trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh và nay là Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Thời kì đầu Trường được thành lập với tên gọi: Trường công nghiệp Hà Bắc - trên cơ sở hợp nhất các Trường Trung học công nghiệp Hà Bắc và trường sơ cấp đào tạo công nhân kỹ thuật Hà Bắc theo quyết định số 53/QĐTC ngày 19/5/1970 của UBHC tỉnh Hà Bắc.

- Giai đoạn 1982 - 1987 Trường có tên là: Trường công nhân kỹ thuật Hà Bắc.
- Giai đoạn 1988 - 1996 mang tên: Trung tâm Hướng nghiệp - Dạy nghề Hà Bắc.
- Giai đoạn 1997 - tháng 3/2007 tên là: Trường công nhân kỹ thuật Bắc Ninh.
- Ngày 04 tháng 01 năm 2007 Bộ lao động thương binh & xã hội có quyết định số 03/2007/QĐ-BLĐTBXH về việc đổi tên trường Công nhân kỹ thuật Bắc Ninh thành trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 28/7/2010 Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quyết định số 901/QĐ-BLĐTBXH về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Ninh trên cơ sở nâng cấp Trường Trung cấp nghề Bắc Ninh.

Ngày 14/03/2017 đổi tên thành trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh.

Trường thực hiện nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao phục vụ cho sự nghiệp phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh Bắc Ninh, đáp ứng nhu cầu lao động cho các khu công nghiệp trong tỉnh, khu vực lân cận và toàn quốc.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường luôn chủ động khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục và đào tạo nghề được tỉnh giao. Từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng. Nhà trường đã xây dựng và biên soạn các nội dung: chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp cho các ngành nghề theo chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các môn học, mô-đun trong các bộ chương trình đã áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, sử dụng các trang thiết bị với công nghệ mới, từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Nhà trường không ngừng đổi mới nội dung chương trình và mục tiêu đào tạo, mở thêm một số ngành nghề mới, cung cấp nguồn nhân lực kịp thời cho nhu cầu lao động của xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh.

Hiện tại, Nhà trường đang tổ chức đào tạo với nhiều ngành nghề ở 03 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp cụ thể:

+ Trình độ Cao đẳng với 12 nghề đào tạo:

<i>TT</i>	<i>Tên nghề đào tạo trình độ Cao đẳng</i>
<i>1</i>	<i>Điện công nghiệp</i>
<i>2</i>	<i>Điện tử công nghiệp</i>
<i>3</i>	<i>Hàn</i>
<i>4</i>	<i>Cắt gọt kim loại</i>
<i>5</i>	<i>Công nghệ ô tô</i>
<i>6</i>	<i>Kế toán doanh nghiệp</i>
<i>7</i>	<i>Cơ điện tử</i>
<i>8</i>	<i>Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)</i>
<i>9</i>	<i>Quản trị mạng máy tính</i>
<i>10</i>	<i>Công nghệ chế tạo máy</i>
<i>11</i>	<i>Thương mại điện tử</i>
<i>12</i>	<i>Tự động hoá công nghiệp</i>

+ Trình độ Trung cấp với 09 nghề đào tạo:

<i>TT</i>	<i>Tên nghề đào tạo trình độ Trung cấp</i>
<i>1</i>	<i>Điện công nghiệp</i>
<i>2</i>	<i>Điện tử công nghiệp</i>
<i>3</i>	<i>Hàn</i>
<i>4</i>	<i>Cắt gọt kim loại</i>

5	<i>Công nghệ ô tô</i>
6	<i>Kế toán doanh nghiệp</i>
7	<i>Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện</i>
8	<i>Kỹ thuật chế biến món ăn</i>
9	<i>Bảo trì và sửa chữa ô tô</i>

+ Trình độ Sơ cấp với 29 nghề đào tạo:

TT	Tên nghề đào tạo trình độ Sơ cấp
1	<i>Điện công nghiệp</i>
2	<i>Điện tử công nghiệp</i>
3	<i>Điện dân dụng</i>
4	<i>Lắp đặt thiết bị lạnh</i>
5	<i>Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp</i>
6	<i>Công nghệ ô tô phần gầm</i>
7	<i>Công nghệ ô tô phần động cơ</i>
8	<i>Công nghệ ô tô phần điện</i>
9	<i>Sửa chữa thiết bị tự động hóa</i>
10	<i>Nguội sửa chữa máy công cụ</i>
11	<i>Hàn điện hồ quang tay</i>
12	<i>Hàn (Hàn hơi và inox)</i>
13	<i>Phay CNC</i>
14	<i>Tiện trên máy vạn năng</i>
15	<i>Cơ điện tử</i>
16	<i>May công nghiệp</i>
17	<i>Tin học văn phòng</i>
18	<i>Kế toán doanh nghiệp</i>
19	<i>Quản lý khai thác công trình thuỷ lợi</i>
20	<i>Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG</i>
21	<i>Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện</i>
22	<i>Chăn nuôi thú y</i>
23	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc</i>
24	<i>Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm</i>

25	<i>Trồng rau an toàn</i>
26	<i>Trồng và chăm sóc cây hoa</i>
27	<i>Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh</i>
28	<i>Kỹ thuật chế biến món ăn</i>
29	<i>Bảo trì và sửa chữa ô tô</i>

Ngoài ra, Nhà trường còn liên kết đào tạo với trường Đại học sư phạm kỹ thuật Hưng Yên... thực hiện đào tạo một số ngành nghề trình độ đại học đáp ứng tốt nhu cầu của người học trong và ngoài tỉnh.

2.2. Những thành tích đã đạt được

1. Công tác chỉ đạo triển khai

Đảng ủy Nhà trường tiếp tục giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện trong mọi hoạt động của Nhà trường. Các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh hoạt động tích cực, hiệu quả.

Các tổ chức đoàn thể phối hợp chặt chẽ đã góp phần tích cực trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho CBGV và HSSV, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Duy trì, ổn định quy mô đào tạo trên 2.000 HSSV và nâng cao chất lượng đào tạo. Trong giai đoạn 2019-2021, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt 98%, trong đó chiếm đến 95% sinh viên tốt nghiệp có việc làm ngay và có khoảng 30% sinh viên được các doanh nghiệp tuyển chọn trước khi tốt nghiệp.

Rà soát, điều chỉnh, cải tiến, mở thêm và triển khai thực hiệu quả chương trình dạy nghề trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dạy nghề ngắn hạn cho phù hợp yêu cầu thị trường lao động. Xây dựng và thí điểm đào tạo nghề theo mô hình đào tạo kép cho một số nghề theo thông tư số 25 ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động TB&XH.

Mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về Sư phạm dạy nghề, kỹ năng nghề và các lớp dạy nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp).

2. Công tác tuyên truyền, tư vấn GDNN

Trong thời gian từ năm 2016-2021, công tác tuyên truyền, tư vấn về giáo dục nghề nghiệp đã đạt được Nhà trường triển khai với nhiều hình thức thể hiện phong phú, ngay sau khi học sinh, sinh viên nhập học nhà trường đã tổ chức tập trung tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, giới thiệu về các mô hình đào tạo nghề của trường, xu hướng phát triển, dự báo nhu cầu của các ngành nghề trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng chuyển đổi số đang diễn ra vô cùng nhanh chóng.

Các đoàn thể trong nhà trường phối hợp, tích cực, chủ động trong việc tổ chức tuyên truyền và tư vấn về GDNN trong các đợt tuyển sinh, các chương trình ngày hội tư vấn hướng nghiệp do Sở Lao động Thương Binh và Xã Hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Bắc Ninh tổ chức.

3. Công tác HSSV

* Cơ sở vật chất phục vụ công tác HSSV:

Trong giai đoạn 2020-2021 được sự quan tâm của lãnh đạo cấp trên nhà trường được đầu tư xây dựng khu nhà thể thao đa năng phục vụ cho các hoạt động của HSSV, dự kiến đưa vào sử dụng vào năm 2021.

Hệ thống xưởng thực hành và khu nhà hiệu bộ được cải tạo sửa chữa với mức kinh phí trên 32 tỷ đồng, khu luyện tập thể dục thể thao cho sinh viên được đưa vào sử dụng.

Nhà trường phối hợp với Ban quản lý khu ký túc xá sinh viên của tỉnh để HSSV nhà trường có thể sử dụng các khu thể thao và các dịch vụ của KTX.

* Các phong trào thi đua:

- Tổ chức đa dạng các hoạt động thi đua Dạy tốt, học tốt, “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”

- Năm học 2020-2021, là năm đánh dấu nửa thế kỷ xây dựng và phát triển của trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh. Bên cạnh việc phát động các đợt thi đua gắn liền với các ngày lễ lớn của dân tộc, đất nước như “Mừng Đảng, mừng xuân, mừng đất nước đổi mới”; “Kỷ niệm ngày Giải phóng miền nam, thống nhất đất nước” “Kỷ niệm ngày thành lập trường” “Mừng sinh nhật Bác”...nhà trường phát động phong trào thi đua chào mừng 50 năm thành lập trường. Tích cực tham gia các cuộc thi do Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổ chức. Các phong trào được triển khai sâu rộng trong đội ngũ viên chức, người lao động và HSSV góp phần tạo nên khí thế thi đua sôi nổi trong toàn trường.

- Việc xây dựng chương trình, kế hoạch, triển khai tổ chức phong trào thi đua được tổ chức bài bản. Chương trình được xây dựng cụ thể về thời gian, nội dung, đối tượng tham gia, người phụ trách, kinh phí tổ chức và kinh phí khen thưởng...Kế hoạch được triển khai tới các đơn vị và tập thể HSSV để thực hiện thông qua các tổ công đoàn, đoàn thanh niên. Cuối mỗi đợt thi đua đều có tổ chức sơ kết, đánh giá, khen thưởng và rút kinh nghiệm trên cơ sở kế hoạch đã đề ra.

- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tự học, tự rèn luyện, tính chuyên cần, kỹ năng sống và chuẩn mực đạo đức cho HSSV thông qua việc tổ chức các lớp kỹ năng mềm và các hoạt động ngoại khóa cho HSSV. Quan tâm giáo dục HSSV ý thức xây dựng văn hóa học đường, giữ gìn vệ sinh giảng đường, trường học. Tổ chức cho HSSV tham gia các hội thi, hoạt động phong trào có ý nghĩa giáo dục thiết thực như: Tổ chức địa điểm thu gom pin nhằm tập trung xử lý giảm tác hại đối với môi trường, phong trào “Vì môi trường xanh - sạch - đẹp” được triển khai sâu rộng; tham gia cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp - STARTUP KITE 2020"

- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tự học, tự rèn luyện, tính chuyên cần, kỹ năng sống và chuẩn mực đạo đức cho HSSV thông qua việc tổ chức các lớp kỹ năng mềm và các hoạt động ngoại khóa cho HSSV.

- Tổ chức học tập đầu khóa với các nội dung như giáo dục truyền thống Nhà trường, phổ biến quy chế đào tạo, quy chế HSSV, quy chế nội trú, quy chế ngoại trú, các chế độ chính sách, tham quan thực tế,..

- Tổ chức gặp mặt phụ huynh HSSV đầu khóa học nhằm kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của phụ huynh, thảo luận các biện pháp phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong công tác quản lý, giáo dục HSSV.

- Quan tâm giáo dục HSSV ý thức xây dựng văn hóa học đường, giữ gìn vệ sinh giảng đường, trường học.

- Năm 2020, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đạt giải nhất toàn đoàn về thành tích Hội giảng cấp tỉnh, 2 đề tài khoa học cấp tỉnh và cấp nhà nước được nghiệm thu. Mặc dù bị ảnh hưởng dịch bệnh covid 19 tuy nhiên, kết quả học tập đại trà của HSSV vẫn đạt trên 76% khá giỏi.

*** Kết quả rèn luyện:**

Kết quả rèn luyện năm học 2019-2020 như sau:

Xuất sắc 3.98%, Tốt 52.15%; Khá 34.17%; Trung Bình 9%; Yếu 0.7%;

Kết quả rèn luyện năm học 2020-2021 như sau:

Xuất sắc 4.86%, Tốt 50.85%; Khá 32.17%; Trung Bình 10.75%; Yếu 1.37%;

*** Tình hình thực hiện BHYT cho HSSV:**

Tiếp nhận, quản lý hồ sơ HSSV đảm bảo đúng quy định; thực hiện đầy đủ các chế độ của HSSV về học bổng và trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí học tập theo quy định hiện hành; thực hiện tốt công tác khám sức khỏe đầu vào, đầu ra, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho HSSV. Toàn trường có 100% HSSV tham gia Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thân thể.

*** Kết quả thực hiện chính sách cho HSSV:**

Nhà trường chú trọng công tác khuyến học - khuyến tài, kịp thời động viên, khuyến khích các em HSSV có thành tích cao trong học tập và rèn luyện. Trong năm học 2020-2021, nhà trường đã cấp 08 suất học bổng và 05 suất khen thưởng cho HSSV học tập học tập tốt trong học kỳ 1 của năm học 2020-2021; 02 sinh viên được nhận học bổng của bang Hessen CHLB Đức tại Việt Nam. 01 tân sinh viên được nhận học bổng nữ sinh do tổ chức GIZ CHLB Đức trao tặng. Nhà trường tặng 01 suất học bổng cho thủ khoa đầu vào. Tiếp tục thực hiện chương trình kết hợp đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp “Đào tạo kép” tại công ty TNHH ABB Việt Nam. Năm học 2020-2021 doanh nghiệp tiếp tục hỗ trợ 10 sinh viên của nhà trường lên tới 500 triệu đồng. Năm 2021, có 13 xuất học bổng được trao cho tân sinh viên, trong đó có 4 sinh viên nghề Cắt gọt kim loại tiêu chuẩn Đức, 4 sinh viên nghề Thương mại điện tử, 2 học bổng nữ sinh, 2 học bổng thủ khoa, á khoa.

4. Kết quả tuyển sinh, tốt nghiệp

*** Kết quả tuyển sinh:**

Được triển khai đảm bảo đúng quy định, công khai, khách quan. Kế hoạch tuyển sinh được xây dựng phù hợp quy định, quy chế tuyển sinh của Bộ Lao động - TBXH và tình hình thực tiễn Nhà trường; các hoạt động tuyên truyền, quảng bá tuyển sinh được đa dạng hóa và thu hút nhiều CBVC, HSSV tham gia.

- Kết quả tuyển sinh vượt kế hoạch đã đề ra, cụ thể:

+ Tuyển sinh tập trung dài hạn: 768 HSSV (trình độ Cao đẳng: 477 SV, Trung cấp: 291 HS) vượt chỉ tiêu kế hoạch.

+ Tuyển sinh Cao đẳng liên thông: 25 Sinh viên.

+ Đào tạo sơ cấp, dưới 3 tháng và thường xuyên: 240 học viên (bao gồm Đào tạo sơ cấp, ngắn hạn, các lớp nghiệp vụ sư phạm,...)

+ Tuyển sinh các lớp đại học liên kết với tổng số 61 học viên.

*** Kết quả tốt nghiệp:**

Năm học 2020-2021 là năm đầu tiên tổ chức thi và cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Trung cấp theo luật giáo dục nghề nghiệp với tổng số: 506 HSSV tốt nghiệp, chiếm tỷ lệ 97,5%, trong đó: có 245 Sinh viên cao đẳng và 261 học sinh trung cấp.

5. Chất lượng và hiệu quả đào tạo

Ngay khi các em HSSV chuẩn bị tốt nghiệp ra trường, nhà trường đã có kế hoạch tổ chức phối hợp cùng các doanh nghiệp để thực hiện tư vấn, tuyển dụng để HSSV có điều kiện tiếp cận với nhà tuyển dụng. Trong quá trình phỏng vấn, thi tuyển HSSV đáp ứng được yêu cầu từ phía doanh nghiệp đã được doanh nghiệp lựa chọn vào các nhà máy, cụ thể như Sam Sung, tập đoàn Hồng Hải, Công ty TNHH Canon Việt Nam, Công ty TNHH ABB, ...Kết quả là sau khi ra trường 95% HSSV có việc làm và thu nhập ổn định.

- Đào tạo tập trung: 80 lớp với tổng số 2,168 HSSV (Trong đó: Cao đẳng 1267 sinh viên, Trung cấp 901 học sinh).

- Sơ cấp: 33 Học viên

- Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm: 186 học viên

- Bồi dưỡng thường xuyên: 39 học viên

- Số lượng học viên đào tạo liên kết do cơ sở khác cấp bằng: Nhà trường tiếp tục phối hợp với trường ĐHSPKT Hưng Yên đào tạo các lớp Đại học VLVH (121 học viên).

Chất lượng đào tạo năm học 2020-2021:

- Tổ chức kiểm tra học kỳ 2 năm học 2020-2021.

Kết quả học tập, rèn luyện học kỳ 2, năm học 2020-2021 như sau:

+ Kết quả học tập: Xuất sắc: 0,1% Giỏi 6.1 %; Khá 32,5%; TB Khá 42.7%; Trung Bình 9.2%; Yếu 9,3%;

+ Kết quả rèn luyện: Xuất sắc 4.86%, Tốt 50.85%; Khá 32.17%; Trung Bình 10.75%; Yếu 1.37%;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch đào tạo, Tiến độ đào tạo. Tăng cường các hoạt động thanh kiểm tra đào tạo. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học, đặc biệt chú trọng rèn luyện tay nghề cho HSSV. Tăng cường kiểm tra các lớp liên kết đang giảng dạy tại các Trung tâm GDTX-GDNN;

6. Kết quả hợp tác, liên kết với doanh nghiệp về đào tạo và giải quyết việc làm

Tiếp tục thực hiện chương trình kết hợp đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp “Đào tạo kép” tại công ty TNHH ABB Việt Nam, Công ty TNHH Symkos. Năm học 2020-2021 doanh nghiệp tiếp tục hỗ trợ 10 sinh viên của nhà trường lên tới 500 triệu đồng.

Phối hợp với các doanh nghiệp, công ty để đào tạo kỹ năng nghề cho HSSV, đưa HSSV đi trải nghiệm thực tế và đi thực tập tốt nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp: Canon Tiên Du, Samsung Display Yên Phong, Công ty Sanwa Việt Nam, Công ty TNHH UMC Hải Dương, ... Trong năm 2020 vừa qua nhà trường đã phối hợp với doanh nghiệp để đưa trên 1000 lượt HSSV đi thực tập, trải nghiệm tại doanh nghiệp.

Công tác đào tạo gắn liền với liên kết doanh nghiệp được nhà trường chú trọng là mục tiêu số 1 trong chiến lược phát triển nhà trường. Theo định kỳ hằng năm nhà trường thường tổ chức các cuộc hội nghị cùng doanh nghiệp và xin ý kiến đóng góp của doanh nghiệp về công tác đào tạo của nhà trường. Khi các doanh nghiệp có sử dụng lao động của nhà trường thì nhà trường mời trực tiếp tham gia vào quá trình đánh giá chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng kỹ năng nghề sau khi tốt nghiệp.

Năm học 2020-2021 nhà trường đã phối hợp với doanh nghiệp tổ chức các hoạt động tư vấn cho HSSV. Đặc biệt tổ chức buổi hội thảo ”Hội thảo hợp tác hiệu quả đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng, kinh nghiệm thành công từ CHLB Đức”, với sự góp mặt của hơn 20 doanh nghiệp, các trường THPT, các TT GDNN-GDTX, các trường trung cấp, cao đẳng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

7. Kết quả liên kết đào tạo theo Thông tư 29/2017/TT – BLĐT BXH

Nhà trường tổ chức liên kết đào tạo và triển khai các hoạt động hợp tác với các trường nước ngoài, trường ĐHSPKT Hưng Yên, các trung tâm GDNN-GDTX huyện. Mở thêm 02 lớp tổng số 50 học sinh (25 HS nghề Hàn và 25 HS nghề KTCBMA).

Đẩy mạnh liên kết với các trường đại học để mở các lớp đại học hệ vừa làm, vừa học và phối hợp tìm kiếm đối tượng có nhu cầu học Thạc sỹ để tạo nguồn đào tạo; giúp cho HSSV, học viên có cơ hội học nâng cao trình độ Đại học, Thạc sỹ.

Nhà trường tăng cường hợp tác liên kết với các đơn vị trường đại học, các trung tâm trong và ngoài tỉnh, cụ thể phối hợp đào tạo liên kết với trường ĐHSPKT Hưng Yên đào tạo các lớp Đại học VLVH (09 lớp với số lượng 121 học viên).

Tuyển sinh 03 lớp Đại học SPKT Hưng Yên liên kết tại trường với tổng số 61 học viên.

8. Công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN; xây dựng hệ thống ĐBCL

Trong năm học 2020-2021 nhà trường đã thành lập riêng Tổ kiểm định và đảm bảo chất lượng là đơn vị chuyên môn giúp Nhà trường lập và triển khai các kế hoạch cũng như thực hiện tự kiểm định chất lượng cơ sở GDNN. Tổ chức thực hiện tự kiểm định theo các tiêu chí đảm bảo chất lượng đào tạo của đơn vị. Nhà trường xây dựng và triển khai hệ thống đảm bảo chất lượng. Đến nay đã thực hiện được 18 quy trình. Lập báo cáo tự kiểm định gửi Sở Lao động Thương binh Xã hội và Cục kiểm định theo quy định.

Nhà trường đã tổ chức tự đánh giá chất lượng 02 ngành cấp độ quốc tế và cấp độ khu vực là ngành Cắt gọt kim loại và ngành Điện tử công nghiệp đều đạt tiêu chuẩn về kiểm định. Năm 2021, nhà trường tổ chức tự đánh giá 3 nghề trọng điểm 3 cấp độ.

9. Công tác hợp tác quốc tế về GDNN

Trong năm học 2020-2021 với sự diễn biến phức tạp của dịch bệnh covid-19 các hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường cũng có nhiều thay đổi so với trước. Nhà trường vẫn thường xuyên giữ mối liên hệ hợp tác với các các tổ chức hợp tác quốc tế như Giz của CHLB Đức. Từ tháng 8/2020 tổ chức Giz của CHLB Đức đã đưa chuyên gia sang để phối hợp và giúp đỡ nhà trường thực hiện các nội dung trong khuôn khổ dự án "Đổi mới trong lĩnh vực đào tạo nghề" do chính phủ CHLB Đức tài trợ.

10. Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về GDNN

Kết quả tuyển sinh đào tạo ngành nghề trọng điểm đã được phê duyệt theo từng trình độ và kinh phí đầu tư.

Hiện tại nhà trường đã được phê duyệt đào tạo các nghề trọng điểm, trong đó 01 nghề trọng điểm quốc tế (nghề Cắt gọt kim loại), 03 nghề trọng điểm cấp ASEAN (nghề Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp và Điện tử công nghiệp), 02 nghề trọng điểm quốc gia (Tự động hóa công nghiệp, Cơ điện tử).

Trong năm nhà trường được đầu tư 7 tỷ đồng cho 3 nghề trọng điểm nghề Công nghệ ô tô, Điện tử công nghiệp và Tự động hóa công nghiệp)

11. Công tác chuyên môn khác

Tổ chức Hội giảng nhà giáo dạy cấp trường năm 2020: Kết quả 21/21 đạt danh hiệu nhà giáo dạy giỏi cấp trường năm 2020, trong đó: Có 04 nhà giáo đạt giải nhì, 06 nhà giáo đạt giải ba.

Tham gia Kỳ thi kỹ năng nghề quốc gia với 03 thí sinh dự thi 03 nghề (Hàn, Thiết kế cơ khí, Điện tử): Kết quả đạt 03 giải khuyến khích.

Năm 2020, sinh viên nhà trường tham dự và đạt giải 3 khu vực phía Bắc, giải khuyến khích toàn quốc được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động - TBXH trong cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp – STARTUP KITE 2020" do Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội tổ chức.

12. Công tác nghiên cứu khoa học

- Công tác nghiên cứu khoa học đi vào nề nếp, Hội đồng khoa học nhà trường phát huy tốt vai trò định hướng nghiên cứu, phân công thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

- Công tác nghiên cứu khoa học tiếp tục được đẩy mạnh. Hội đồng khoa học nhà trường phát huy tốt vai trò định hướng nghiên cứu, phân công thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu. Trong năm 2020-2021 nhà trường có 15 đề tài cấp trường được triển khai, công nhận. 2 đề tài cấp tỉnh và cấp nhà nước. 1 dự án đổi mới sáng tạo đạt giải 3 khu vực đồng bằng Sông Hồng và các tỉnh phía Bắc.

- Sinh viên nhà trường tham dự chương trình khởi nghiệp toàn quốc năm 2020 đạt giải 3 khu vực phía Bắc, giải khuyến khích toàn quốc được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động - TBXH.

13. Công tác xây dựng Đảng, các đoàn thể quần chúng.

- Tổ chức thành công đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025, 07 đồng chí được bầu vào BCH nhiệm kỳ mới. Ngay sau khi kết thúc đại hội BCH đã tiến hành họp phiên họp thứ nhất, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên.

- Đảng ủy Nhà trường tiếp tục giữ vững vai trò lãnh đạo toàn diện trong mọi hoạt động của Nhà trường. Các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh hoạt động tích cực, hiệu quả. Công tác phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức đảng, đoàn thể đã góp phần tích cực trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho CBGV và HSSV, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức đa dạng các hoạt động thi đua học tốt, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, cụ thể: Trường là đơn vị giành giải nhì tại Hội thi “Tiếng hát các cơ sở GDNN lần thứ nhất” do tỉnh tổ chức Nhiệt tình tham gia các hoạt động tình nguyện, tiếp sức mùa thu do Đoàn, hội cấp trên phát động. Các phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, phục vụ tốt diễn ra sôi nổi trong toàn trường. Hội sinh viên nhà trường được Trung ương hội tặng Bằng khen...

14. Công tác thi đua - khen thưởng

- Công tác thi đua, tuyên truyền và biểu dương khen thưởng được duy trì thường xuyên và kịp thời, góp phần động viên đội ngũ cán bộ viên chức, lao động.

- Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác khuyến học, khuyến tài, cấp học bổng cho HSSV có kết quả học tập xuất sắc và giảng các xuất học bổng khuyến khích cho các tân HSSV có điểm xét tuyển cao khi nhập học vào trường.

- Trong năm 2020-2021, nhiều tập thể, cá nhân của nhà trường có thành tích xuất sắc trong các phong trào như: “Dạy tốt - Học tốt”, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, hội giảng...được các cấp, các ngành biểu dương, khen thưởng.

- Hiệu trưởng nhà trường tặng thưởng cho 10 giáo viên có thành tích cao trong thi giảng cấp trường; biểu dương, khen thưởng 01 tập thể, 01 cá nhân tiêu biểu trong công tác tôn tạo cảnh quan sư phạm nhà trường.

- Bình xét thi đua, khen thưởng theo đúng quy chế, quy định. Kết quả bình xét thi đua, khen thưởng năm 2019. Tập thể nhà trường được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

+ Tập thể lao động tiên tiến: 11/11 đơn vị (100%)

+ Tập thể lao động xuất sắc: Tập thể nhà trường

+ Lao động tiên tiến: 92/92 cán bộ, viên chức, lao động

+ Chiến sỹ thi đua cơ sở: 06 cá nhân

+ Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động TB&XH: 01 tập thể, 01 cá nhân

+ Giấy khen của Giám đốc Sở LĐ TB&XH: 02 tập thể, 02 cá nhân

+ Giấy khen của Hiệu trưởng: 06 tập thể; 8 cá nhân

- Bình xét thi đua, khen thưởng theo đúng quy chế, quy định. Kết quả bình xét thi đua, khen thưởng năm 2020 như sau:

Tập thể nhà trường được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

- + Tập thể lao động tiên tiến: 11/11 đơn vị (100%)
- + Tập thể lao động xuất sắc: Tập thể nhà trường
- + Lao động tiên tiến: 91/92 cán bộ, viên chức, lao động
- + Chiến sỹ thi đua cơ sở: 06 cá nhân
- + Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động TB&XH: 01 tập thể, 01 cá nhân
- + Giấy khen của Giám đốc Sở LĐ TB&XH: 01 tập thể, 03 cá nhân
- + Giấy khen của Hiệu trưởng: 05 tập thể; 10 cá nhân

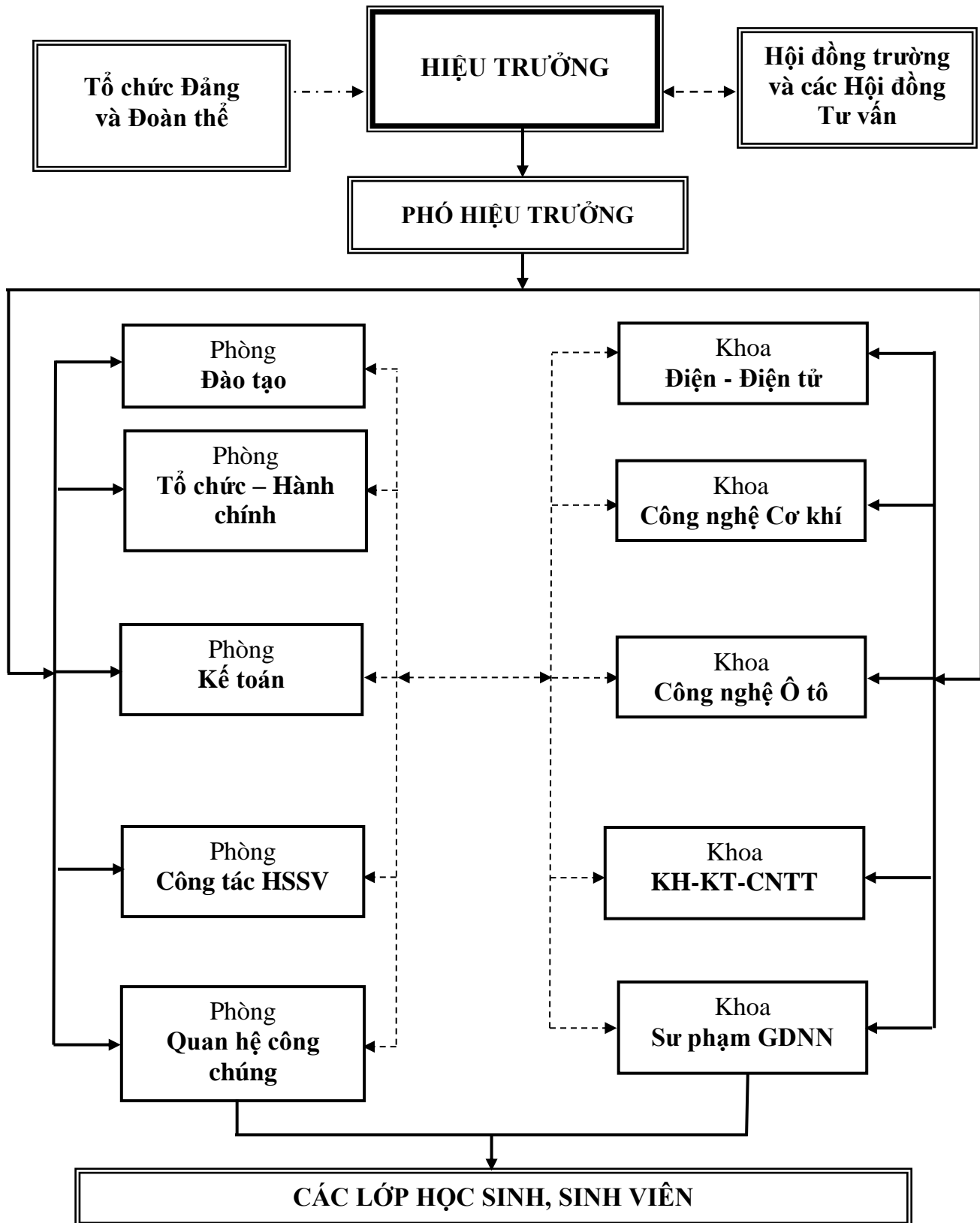
Năm 2021, nhà trường đang tổ chức đánh giá và bình xét thi đua trong tháng 11/2021.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường

3.1. Cơ cấu tổ chức:

- Đảng ủy trường;
- Hội đồng trường;
- Ban Giám Hiệu;
- Các Hội đồng tư vấn;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Các phòng chức năng (05 phòng):
 - + Phòng Đào tạo;
 - + Phòng Tổ chức - Hành chính;
 - + Phòng Kế toán;
 - + Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên;
 - + Phòng quan hệ công chúng (PR).
- Các khoa chuyên môn (05 khoa):
 - + Khoa Điện - Điện tử;
 - + Khoa công nghệ Cơ khí;
 - + Khoa công nghệ Ô tô;
 - + Khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT;
 - + Khoa sư phạm GDNN.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA NHÀ TRƯỜNG



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Nguyễn Đức Lưu	1963	Thạc sỹ	Hiệu trưởng
	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sỹ	Phó Hiệu trưởng
	Trần Văn Thực	1977	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên:				
Đảng bộ	Nguyễn Đức Lưu	1963	Thạc sỹ	Bí thư Đảng uỷ
	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sỹ	Phó bí thư Đảng uỷ
Chi bộ 1	Đình Công Thuyến	1966	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 2	Lê Sỹ Phỉnh	1964	Đại học	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 3	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 4	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 5	Đỗ Thị Vân	1982	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Công Đoàn	Trần Văn Thực	1977	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Tạ Thị Huyền	1987	Thạc sỹ	Bí thư
Hội sinh viên				Chủ tịch
3. Các phòng (05 phòng):				
Phòng Tổ chức - Hành chính	Đình Công Thuyến	1966	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng Công tác HSSV	Lê Sỹ Phỉnh	1964	Đại học	Phó Trưởng phòng
Phòng Kế toán	Nguyễn Thị Hà	1987	Cử nhân	Phó trưởng phòng
Phòng Đào Tạo	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng
Phòng quan hệ công chúng	Bùi Xuân Đoàn	1979	Thạc sỹ	Trưởng phòng
4. Các khoa (05 khoa):				
Khoa công nghệ Ô tô	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Khoa học-KT-CNTT	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Cử nhân	Trưởng khoa
Khoa Sư phạm GDNN	Đỗ Thị Vân	1982	Thạc sỹ	Trưởng khoa

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Khoa Điện - Điện tử	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sỹ	Phó TK phụ trách khoa
Khoa Công nghệ cơ khí	Nguyễn Văn Hưng	1983	Thạc sỹ	Phó Trưởng khoa

3.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường	88	89	92
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	61	64	64
- Tiến sĩ	1	1	1
- Thạc sĩ	24	27	29
- Đại học	35	35	33
- Cao đẳng	01	01	01
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường	60	63	63

4. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
1	Điện công nghiệp	Cao đẳng	100	191	100	274	100	257
2	Điện tử công nghiệp	Cao đẳng	80	232	80	298	80	303
3	Hàn	Cao đẳng	50	0	50	0	50	0
4	Cắt gọt kim loại	Cao đẳng	70	92	70	91	70	100

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
5	Công nghệ ô tô	Cao đẳng	60	118	60	146	60	152
6	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng	30	26	30	48	30	51
7	Cơ điện tử	Cao đẳng	25	110	25	100	25	123
8	Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp	Cao đẳng	20	0	20	0	20	0
9	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	Cao đẳng	25	51	25	65	25	103
10	Thương mại điện tử	Cao đẳng	20	0	20	0	20	20
11	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng	30	0	30	0	30	0
12	Công nghệ chế tạo máy	Cao đẳng	30	26	30	41	30	60
13	Tự động hoá công nghiệp	Cao đẳng	30	63	30	108	30	150
14	Điện công nghiệp	Trung cấp	18	324	18	234	18	161
15	Điện tử công nghiệp	Trung cấp	18	147	18	200	18	166
16	Hàn	Trung cấp	18	81	18	158	18	130
17	Cắt gọt kim loại	Trung cấp	25	33	25	38	25	42
18	Công nghệ ô tô	Trung cấp	30	26	30	17	30	17

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
19	Kế toán doanh nghiệp	Trung cấp	25	0	25	0	25	0
20	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện;	Trung cấp	20	1	20	0	20	0
21	Kỹ thuật chế biến món ăn;	Trung cấp	30	144	30	160	30	126
22	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Trung cấp	20	-	20	30	20	53
23	Điện công nghiệp	Sơ cấp	30	2	30	2	30	2
24	Điện tử công nghiệp	Sơ cấp	30	1	30	1	30	1
25	Điện dân dụng	Sơ cấp	30		30	2	30	2
26	Lắp đặt thiết bị lạnh	Sơ cấp	20	1	20	3	20	3
27	Nghề Kỹ thuật lắp đặt điện và Điều khiển trong công nghiệp	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
28	Công nghệ ô tô phân gầm	Sơ cấp	25	0	25	1	25	1
29	Công nghệ ô tô phân động cơ	Sơ cấp	25	0	25	2	25	0
30	Công nghệ ô tô phân điện	Sơ cấp	25	1	25	1	25	0
31	Sửa chữa thiết bị tự động hóa	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
32	Nguội sửa chữa máy công cụ	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
33	Hàn điện hồ quang tay	Sơ cấp	30	1	30	1	30	1

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
34	Hàn (Hàn hơi và inox)	Sơ cấp	30	3	30	0	30	0
35	Phay CNC	Sơ cấp	20	1	20	0	20	0
36	Tiện trên máy vạn năng	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
37	Cơ điện tử	Sơ cấp	30	0	30	0	30	0
38	Máy công nghiệp	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
39	Tin học văn phòng	Sơ cấp	30	1	30	0	30	0
40	Kế toán doanh nghiệp	Sơ cấp	25	0	25	0	25	0
41	Quản lý khai thác công trình thủy lợi	Sơ cấp	30	1	30	0	30	0
42	Hàn bán tự động TIG, MAG, MAG	Sơ cấp	20	0	20	0	20	0
43	Vận hành và sửa chữa trạm bơm điện	Sơ cấp	20	1	20	0	20	0
44	Chăn nuôi thú y	Sơ cấp	30	0	30	0	30	0
45	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc	Sơ cấp	30	0	30	0	30	0
46	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm	Sơ cấp	30	0	30	0	30	0
47	Trồng rau an toàn	Sơ cấp	60	0	60	0	60	0
48	Trồng và chăm sóc cây hoa	Sơ cấp	60	0	60	0	60	0
49	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh	Sơ cấp	60	0	60	0	60	0

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
			Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên	Quy mô tuyển sinh	Số lượng học sinh, sinh viên
50	Kỹ thuật chế biến món ăn	Sơ cấp	90	93	90	10	90	10
51	Bảo trì và sửa chữa ô tô	Sơ cấp	15	0	15	0	15	0

*** Quy mô tuyển sinh:**

Theo nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (Số 175/2017/GCNĐKHĐ-TCĐN, ngày 23/6/2017; Số 175a/2017/GCNĐKBS-GDNN, ngày 25/8/2017; số 175b/2017/GCNĐKBS-TCGDNN, ngày 26/7/2019).

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1. Diện tích hạng mục công trình (diện tích đang sử dụng-m ²)	24.310	24.310	24.310
- Khu hiệu bộ	503	503	503
- Phòng học lý thuyết	1400	1400	1400
- Xưởng thực hành	7840	7840	7840
- Khu phục vụ			
+ Thư viện	150	150	150
+ Ký túc xá	4742	4742	4742
+ Nhà ăn	300	300	300
+ Trạm y tế	20	20	20
+ Khu thể thao	5000	5000	5000
- Khác (liệt kê các hạng mục công trình khác nếu có)			
2. Tổng số đầu sách của trường (Quyển)	2500	2500	2500
<i>Trong đó, đầu sách chuyên ngành:</i>	<i>1500</i>	<i>1500</i>	<i>1500</i>

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
3. Tổng số máy tính của trường (bộ)	159	148	148
- Dùng cho văn phòng	27	25	25
- Dùng cho học sinh học tập	132	123	123
4. Tổng nguồn kinh phí của trường (đồng)	23.947.028.253	24.067.302.325	27.788.844.732
5. Tổng thu học phí (đồng)	5.678.976.750	6.292.674.780	8.553.822.900
6. Tổng kinh phí quyết toán (đồng)	19.352.037.362	19.632.218.542	21.350.281.953

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Đặt vấn đề

Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã trải qua 50 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo, coi chất lượng đào tạo là uy tín, là thương hiệu, là cơ sở đảm bảo cho sự tồn tại, phát triển bền vững. Nhờ vậy Nhà trường đã xây dựng được một đội ngũ Cán bộ, Giảng viên, Nhân viên có chất lượng và số lượng, đáp ứng nhiệm vụ, có cơ sở vật chất đảm bảo được yêu cầu dạy, học và nghiên cứu khoa học. Đến nay Trường đã được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cho phép đào tạo 12 ngành trình độ Cao đẳng, 09 ngành trình độ trung cấp và 29 ngành trình độ sơ cấp. Uy tín của Nhà trường ngày càng được HSSV và xã hội khẳng định, chỉ tiêu đào tạo và khả năng tuyển sinh của Nhà trường năm sau đều cao hơn năm trước. Đến nay Nhà trường đã thu hút được trên 2.000 HSSV. Hàng vạn HSSV đã tốt nghiệp, hầu hết đã tìm được việc làm và đang giữ vai trò quan trọng trong các cơ quan, xí nghiệp. Nhiều HSSV tiếp tục học lên đại học.

Đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo là trách nhiệm và mục tiêu mà bất cứ cơ sở giáo dục nghề nghiệp nào cũng phải cố gắng phấn đấu để đạt được. Khi Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đề ra chủ trương các trường tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp, lãnh đạo Trường đã xác định “Tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là việc làm có ý nghĩa cực kỳ quan trọng và có tác dụng thiết thực trong việc đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong nhà trường”.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tự đánh giá, Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh đã sớm thành lập Hội đồng tự kiểm định chất lượng bao gồm các ông, bà đại diện Ban Giám hiệu, các Khoa, Phòng, các đại diện của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên Nhà trường nhằm hoàn thành với chất lượng cao Báo cáo tự đánh giá của Nhà trường. Báo cáo được thực hiện liên tục và đã hoàn thành đúng kế hoạch tiến độ đề ra (Bắt đầu từ tháng 10/2020, hoàn thành vào tháng 10/2021).

Báo cáo đã thể hiện sự đóng góp công sức của nhiều đơn vị, cá nhân trong toàn trường, nhất là các thành viên của Hội đồng tự kiểm định, đặc biệt là sự quan tâm giúp đỡ nhiệt tình và góp ý chân thành của các chuyên gia, Cục Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đã tập huấn nâng cao nhận thức tự đánh giá cho các thành viên của Nhà trường, truyền đạt kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm tự đánh giá cũng như góp ý cho quá trình xây dựng kế hoạch, viết đề cương báo cáo... cho các thành viên Hội đồng tự kiểm định của Nhà trường.

Báo cáo đã thể hiện được tính khách quan, trung thực và công khai, minh bạch. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong Báo cáo đã có các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo đã bao quát được đầy đủ các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Sau khi lấy ý kiến góp ý của cán bộ, giảng viên, nhân viên và HSSV, báo cáo đã được chỉnh sửa, hoàn thiện, trở thành tư liệu quý, góp phần quan trọng trong việc giúp Nhà trường tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của mình, lập và triển khai các kế hoạch hành động, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo, từ đó điều chỉnh mục tiêu đào tạo của trường cho giai đoạn tiếp theo, theo hướng cao hơn; Báo cáo còn là điều kiện cần thiết để nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tự đánh giá đã thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Nhà trường.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

- Thông tư Số: 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp/cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Trường cao đẳng của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019

2.2. Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và HSSV trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự kiểm định các điều kiện đảm bảo chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của nhà trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường cao đẳng, qua đó huy động tất cả các cơ quan, đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự kiểm định.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và các chỉ số kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của trường cao đẳng.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Căn cứ công văn hướng dẫn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019

Căn cứ vào bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp/cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội thành viên Hội đồng tự kiểm định và các đơn vị trực thuộc rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn đã được phân công và thực hiện tự đánh giá theo hướng dẫn theo Công văn số 23/TCGDNN-KĐCL ngày 26 tháng 01 năm 2018.

Thành viên Hội đồng tự kiểm định viết báo cáo đánh giá chi tiết tiêu chí, tiêu chuẩn theo hướng dẫn mẫu 3.2 thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15/12/2017.

Việc mã hoá minh chứng được quy định theo hướng dẫn tại mẫu 3.3 thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 15/12/2017.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

2.4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng Giáo dục nghề nghiệp

- Xây dựng kế hoạch thực hiện tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

- Hướng dẫn các đơn vị trong Nhà trường thực hiện công tác tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường theo quy định.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp cơ sở Giáo dục nghề nghiệp theo quy định tại Thông tư Số: 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

+ Nghiên cứu báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường qua các năm.

+ Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của đơn vị; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

+ Viết dự thảo báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp, gửi các đơn vị trong cơ sở Giáo dục nghề nghiệp để lấy ý kiến.

+ Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp của cơ sở Giáo dục nghề nghiệp.

- Công bố báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Cục kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đúng thời hạn quy định.

2.4.2. Đối với các Phòng, Khoa thuộc trường

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- Phối hợp với các thành viên Hội đồng kiểm định hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí được giao.

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

- Phân công đơn vị chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng

- Các nội dung tự đánh giá chất lượng, bao gồm:

+ Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng

+ Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và các hướng dẫn có liên quan của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03, Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư Số: 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Lấy ý kiến các phòng/khoa, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		<i>Đạt tiêu chuẩn kiểm định</i>
	Tổng điểm	<i>100</i>	99
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	12
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng,	<i>1</i>	<i>1</i>

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.		
1.2	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
1.3	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
1.4	Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
1.5	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1
1.6	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	1
1.7	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
1.8	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1
1.9	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
1.10	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.11	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	<i>1</i>	<i>1</i>
1.12	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	17	17
2.1	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.2	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.3	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.4	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.5	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm	<i>1</i>	<i>1</i>

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.		
2.6	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
2.7	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
2.8	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
2.9	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
2.10	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
2.11	Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
2.12	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
2.13	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.14	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.15	Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	<i>1</i>	<i>1</i>
2.16	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định	<i>1</i>	<i>1</i>
2.17	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	<i>1</i>	<i>1</i>
3	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	<i>15</i>	<i>14</i>
3.1	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.2	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	<i>1</i>	<i>0</i>
3.4	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.5	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.6	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.7	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.9	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.10	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	<i>1</i>	<i>1</i>

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
3.11	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.12	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.13	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.14	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	<i>1</i>	<i>1</i>
3.15	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	<i>1</i>	<i>1</i>
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	15	15
4.1	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	<i>1</i>	<i>1</i>
4.2	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý	<i>1</i>	<i>1</i>

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
4.7	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
4.9	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
4.10	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
4.11	Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
4.12	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
4.13	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	<i>1</i>	<i>1</i>
4.14	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	<i>1</i>	<i>1</i>
4.15	Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
5	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	<i>15</i>	<i>15</i>
5.1	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.2	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
5.3	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực	<i>1</i>	<i>1</i>

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.		
5.4	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1
5.5	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
5.6	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
5.7	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
5.8	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	1
5.9	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực	1	1

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.		
5.10	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
5.11	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
5.12	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1
5.13	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	1
5.14	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	1
5.15	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo	1	1
6	Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	5

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
6.1	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	<i>1</i>	<i>1</i>
6.2	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	<i>1</i>	<i>1</i>
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	<i>1</i>	<i>1</i>
6.4	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	<i>1</i>	<i>1</i>
6.5	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
7	Tiêu chí 7: Quản lý tài chính	6	6
7.1	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	<i>1</i>	<i>1</i>
7.2	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
7.3	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
7.4	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
7.5	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
8	Tiêu chí 8: Dịch vụ người học	9	9
8.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
8.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
8.3	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	<i>1</i>	<i>1</i>

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
8.4	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	<i>1</i>	<i>1</i>
8.5	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	<i>1</i>	<i>1</i>
8.6	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	<i>1</i>	<i>1</i>
8.7	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
8.8	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	<i>1</i>	<i>1</i>
8.9	Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	<i>1</i>	<i>1</i>
9	Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng	6	6
9.1	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	<i>1</i>	<i>1</i>
9.2	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	<i>1</i>	<i>1</i>

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, (ghi đầy đủ nội dung tiêu chí, tiêu chuẩn)	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
9.3	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	<i>1</i>	<i>1</i>
9.4	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	<i>1</i>	<i>1</i>
9.5	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	<i>1</i>	<i>1</i>
9.6	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	<i>1</i>	<i>1</i>

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 1

3.2.2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 2

3.2.3. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 3

3.2.4. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 4

3.2.5. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 5

3.2.6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 6

3.2.7. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 7

3.2.8. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 8

3.2.9. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIÊU CHÍ 9

(CÁC BÁO CÁO TIÊU CHÍ KÈM THEO)